



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮKNE
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 21 THÁNG 05 NĂM 2014 (NGÀY THÀNH LẬP)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

- Kiểm toán
- Tư vấn Tài chính và Thuế
- Audit
- Finance & Tax Advisory

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6 - 16

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkne (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 21 tháng 05 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Phương Minh Huệ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Tường	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Cường	Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Hồ Thanh Tiến	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Hồ Thanh Tiến
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 11 năm 2015

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Lầu 6 tòa nhà HUD, 15 Điện Biên Phủ, phường 15

quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.3840 6618; Fax: 08.3840 6616

Email: vacohcm@vaco.com.vn

Website: www.vaco.com.vn

Số: **063** /VACO/BCKT.HCM**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkne

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkne (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 11 năm 2015, từ trang 03 đến trang 16, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 21 tháng 05 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 21 tháng 05 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0657-2015-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2015

Nguyễn Mạnh Thắng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1826-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+150)	100		14.173.631.181
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.154.366.443
1. Tiền	111		890.751.721
2. Các khoản tương đương tiền	112		263.614.722
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.574.980.172
1. Phải thu khách hàng	131	5	6.574.622.672
2. Trả trước cho người bán	132		357.500
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.444.284.566
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.632.840.243
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	4.811.444.323
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220)	200		200.592.008.291
I. Tài sản cố định	220		200.592.008.291
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	200.592.008.291
- Nguyên giá	222		246.882.657.214
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.290.648.923)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		214.765.639.472
NGUỒN VỐN			
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		188.810.277.829
I. Nợ ngắn hạn	310		42.327.359.195
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	12.800.000.000
2. Phải trả người bán	312	8	9.233.619.025
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	15.011.366.825
4. Phải trả người lao động	315		2.191.020.384
5. Chi phí phải trả	316		557.490.215
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10	2.533.862.746
II. Nợ dài hạn	330		146.482.918.634
1. Vay và nợ dài hạn	334	11	146.482.918.634
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		25.955.361.643
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	25.955.361.643
1. Vốn cổ phần	411		25.384.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		571.361.643
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		214.765.639.472



Hồ Thanh Tiến
 Tổng Giám đốc
 Kon tum, ngày 26 tháng 11 năm 2015

Đỗ Thị Bích Huyền
 Kế toán trưởng

Hồ Quang Tâm
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán từ ngày 21 tháng 05 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 21/5/2014 đến 31/12/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	13	29.965.289.463
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		29.965.289.463
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	14	17.319.640.952
5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12.645.648.511
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.193.436
7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	22	16	11.976.028.511 11.976.028.511
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		32.291.940
9. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		643.521.496
10. Chi phí khác	32		7.807.703
11. Lợi nhuận khác (40=-32)	40		(7.807.703)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		635.713.793
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	64.352.150
14. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		571.361.643
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	18	382



Hồ Thanh Tiên
Tổng Giám đốc
Kon tum, ngày 26 tháng 11 năm 2015

Đỗ Thị Bích Huyền
Kế toán trưởng

Hồ Quang Tâm
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 21 tháng 05 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN

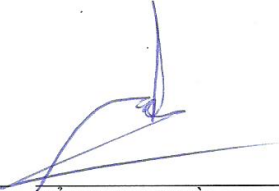
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 21/5/2014
		đến 31/12/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	1	635.713.793
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	2	7.200.759.477
Chi phí lãi vay	6	11.976.028.511
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	19.812.501.781
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(11.386.424.495)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	9.907.444.474
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.632.840.243)
Tiền lãi vay đã trả	13	(9.644.108.186)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.056.573.331
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.902.206.888)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.902.206.888)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+40)	50	1.154.366.443
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	1.154.366.443

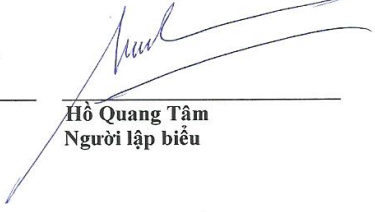


Hồ Thanh Tiên
Tổng Giám đốc

Kon tum, ngày 26 tháng 11 năm 2015



Đỗ Thị Bích Huyền
Kế toán trưởng



Hồ Quang Tâm
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkne được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 6101177237 ngày 21 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kontum cấp. Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Tấn Phát - được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp cổ phần số 6100160054 ngày 07 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kontum cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần vào ngày 21 tháng 05 năm 2014 là 25.384.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 18.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước, viễn thông).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Đây là kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty, bắt đầu từ ngày 21 tháng 05 năm 2014 đến 31 tháng 12 năm 2014.

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính của Việt Nam.

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Tấn Phát
Các thành viên HĐQT, BGD

Mối quan hệ

Cùng chung chủ sở hữu
Quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tạm ứng.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	Năm 2014 (số năm khấu hao) <hr/> 20
----------------------------	---

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>
	VND
Tiền mặt	26.425.434
Tiền gửi ngân hàng	864.326.287
Các khoản tương đương tiền (*)	263.614.722
	<u><u>1.154.366.443</u></u>

(*) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng tại ngân hàng TMCP An Bình.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2014</u>
	VND
Tổng công ty Điện lực Miền Trung	6.574.622.672
	<u><u>6.574.622.672</u></u>

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>
	VND
Tạm ứng	
Ông Nguyễn Ngọc Tường	4.688.788.453
Các nhân viên khác	122.655.870
Cộng	<u><u>4.811.444.323</u></u>

Tài sản ngắn hạn khác thể hiện giá trị các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên Công ty để thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong đó bao gồm khoản tạm ứng của ông Nguyễn Ngọc Tường với giá trị là 4.688.788.453 đồng phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của công ty.

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà cửa và vật kiến trúc</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 21/05/2014	-	-
Nhận bàn giao từ Công ty Cổ phần Tấn Phát	246.882.657.214	246.882.657.214
Tại ngày 31/12/2014	<u>246.882.657.214</u>	<u>246.882.657.214</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 21/05/2014	-	-
Nhận bàn giao từ Công ty Cổ phần Tấn Phát	39.089.889.446	39.089.889.446
Khấu hao trong năm	7.200.759.477	7.200.759.477
Tại ngày 31/12/2014	<u>46.290.648.923</u>	<u>46.290.648.923</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2014	<u>200.592.008.291</u>	<u>200.592.008.291</u>
Tại ngày 21/05/2014	<u>-</u>	<u>-</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp một số tài sản là nhà máy thủy điện Đăk Ne với tổng giá trị là 246.882.657.214 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2014</u>
	VND
Công ty TNHH Trung Việt	4.925.621.335
Công ty TNHH Tân An	2.648.076.119
Công ty TNHH MTV Thăng Lợi Kon Tum	1.354.784.060
Các đối tượng khác	305.137.511
	<u><u>9.233.619.025</u></u>

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>
	VND
Thuế	
Thuế giá trị gia tăng	1.766.092.777
Thuế thu nhập doanh nghiệp	852.376.153
Thuế tài nguyên	3.827.187.288
Thuế thu nhập cá nhân	138.089.798
Thuế khác	8.427.620.809
	<u><u>15.011.366.825</u></u>

10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>
	VND
Bảo hiểm xã hội	506.098.862
Bảo hiểm y tế	51.033.282
Bảo hiểm thất nghiệp	23.676.124
Phải trả Công ty Cổ phần Tấn Phát	1.877.852.478
Phải trả ông Nguyễn Ngọc Tường	25.134.000
Các khoản phải trả khác	50.068.000
	<u><u>2.533.862.746</u></u>

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN, DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>
	VND
Vay dài hạn	146.482.918.634
	<u><u>146.482.918.634</u></u>

Chi tiết các khoản vay như sau:

	<u>31/12/2014</u>
	VND
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Đà Nẵng	159.282.918.634
	<u><u>159.282.918.634</u></u>

Đây là khoản vay dài hạn từ ngân hàng An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng. Khoản vay dài hạn này được chuyển từ Công ty CP Tấn Phát sang theo hợp đồng chuyển giao và kế thừa nghĩa vụ nợ vay với Ngân hàng An Bình - CN Đà Nẵng ngày 30/07/2014 được ký giữa 3 bên là Công ty CP Tấn Phát - Công ty CP Thủy Điện Đăk Ne và Ngân hàng TMCP An Bình. Theo đó mục đích khoản vay của khoản vay được chuyển là để đầu tư và tái sửa chữa nhà máy thủy điện Đăk Ne. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là toàn bộ nhà máy thủy điện Đăk Ne (bao gồm toàn bộ các hạng mục công trình xây dựng và toàn bộ máy móc, thiết bị của nhà máy thủy điện Đăk Ne) với tổng giá trị là 246.882.657.214 đồng. Số nợ vay này đã được chuyển thanh toán hoàn toàn trong tháng 1/2015 từ nguồn vay Ngân hàng TMCP Việt Á. Vì vậy việc phân loại lại thời hạn nợ để trình bày trên báo cáo tài chính sẽ theo lịch trả nợ của khoản vay mới từ ngân hàng TMCP Việt Á.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN, DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014
	VND
Trong vòng một năm	12.800.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	66.400.000.000
Sau năm năm	80.082.918.634
	159.282.918.634
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	12.800.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	146.482.918.634

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất, công trình nhà máy thủy điện Đăk Ne để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn.

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 21/05/2014	-	-	-
Góp vốn trong năm	25.384.000.000	-	25.384.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	571.361.643	571.361.643
Số dư tại ngày 31/12/2014	25.384.000.000	571.361.643	25.955.361.643

Vốn điều lệ

Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkne là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 6101177237 ngày 21 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kontum cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần vào ngày 21 tháng 05 năm 2014 là 25.384.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6101177237 ngày 21 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kontum cấp, vốn điều lệ của Công ty là 25.384.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp 31/12/2014
	VND	%	VND
Nguyễn Ngọc Tường	23.642.770.000	93,14%	23.642.770.000
Huỳnh Bích	300.600.000	1,18%	300.600.000
Lý Văn Tài	1.365.480.000	5,38%	1.365.480.000
Nguyễn Đình Lục	16.700.000	0,07%	16.700.000
Nguyễn Minh Khoa	33.400.000	0,13%	33.400.000
Nguyễn Văn Hùng	16.700.000	0,07%	16.700.000
Hồ Ngọc Sung	8.350.000	0,03%	8.350.000
Tổng cộng	25.384.000.000	100%	25.384.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. DOANH THU

Toàn bộ doanh thu của Công ty là từ hoạt động bán điện của nhà máy thủy điện Đăkne.

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Toàn bộ giá vốn của Công ty là từ hoạt động sản xuất và bán điện của nhà máy thủy điện Đăkne.

15. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Từ 21/5/2014</u> <u>đến 31/12/2014</u>
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.250.000
Chi phí nhân công	821.425.956
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.200.759.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.902.040.759
Chi phí khác bằng tiền	2.741.133.768
	<u><u>18.680.609.960</u></u>

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ 21/5/2014</u> <u>đến 31/12/2014</u>
	VND
Lãi tiền vay	11.976.028.511
	<u><u>11.976.028.511</u></u>

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Từ 21/5/2014</u> <u>đến 31/12/2014</u>
	VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	635.713.793
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	7.807.703
Trừ: Chi phí các năm trước chưa kê khai	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.807.703
Thu nhập/(lỗ) chịu thuế	643.521.496
Thuế suất hoạt động kinh doanh chính	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	<u><u>64.352.150</u></u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động kinh doanh chính và 25% đối với các hoạt động khác.

18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Từ 21/5/2014</u> <u>đến 31/12/2014</u>
	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	571.361.643
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	1.495.222
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	382
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>
	VND
Các khoản vay	159.282.918.634
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>1.154.366.443</u>
Nợ thuần	158.128.552.191
Vốn chủ sở hữu	<u>25.955.361.643</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>609%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	<u>31/12/2014</u>
	VND
Tài sản tài chính	
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.154.366.443
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.574.622.672
Tạm ứng	<u>4.811.444.323</u>
Tổng cộng	<u>12.540.433.438</u>
Công nợ tài chính	
Các khoản vay	159.282.918.634
Phải trả người bán và phải trả khác	11.186.673.503
Chi phí phải trả	<u>557.490.215</u>
Tổng cộng	<u>171.027.082.352</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 21/05/2014 (ngày thành lập) đến ngày 31/12/2014 sẽ giảm 1.592.829.186 đồng.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.154.366.443	-	-	1.154.366.443
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.574.622.672	-	-	6.574.622.672
Tạm ứng	4.811.444.323	-	-	4.811.444.323
Tổng cộng	12.540.433.438	-	-	12.540.433.438
31/12/2014				
Các khoản vay	12.800.000.000	66.400.000.000	80.082.918.634	159.282.918.634
Phải trả người bán và phải trả khác	11.186.673.503	-	-	11.186.673.503
Chi phí phải trả	557.490.215	-	-	557.490.215
Tổng cộng	24.544.163.718	66.400.000.000	80.082.918.634	171.027.082.352
Chênh lệch thanh khoản thuần	(12.003.730.280)	(66.400.000.000)	(80.082.918.634)	(158.486.648.914)

Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2014
	VND
Phải trả khác	
Ông Nguyễn Ngọc Tường	25.134.000
Công ty Cổ phần Tấn Phát	1.877.852.478
Tạm ứng	
Ông Nguyễn Ngọc Tường	4.688.788.453

Giao dịch với các bên liên quan:

	Từ 21/5/2014
	đến 31/12/2014
	VND
Nhận bàn giao tài sản từ Công ty CP tấn Phát	246.822.657.214

Thu nhập và các khoản vay của Tổng Giám đốc

Thu nhập Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Từ 21/5/2014
	đến 31/12/2014
	VND
Tổng thu nhập	56.306.719



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮKNE
Lô T2 - Khu công nghiệp Hòa Bình - TP. Kon Tum
Tỉnh Kon Tum, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 21 tháng 05 năm 2014
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 21 tháng 05 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31/12/2014 của Công ty.

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Đây là báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên do đó không có số liệu so sánh.



Hồ Thanh Tiên
Tổng Giám đốc

Kon tum, ngày 26 tháng 11 năm 2015

Đỗ Thị Bích Huyền
Kế toán trưởng

Hồ Quang Tâm
Người lập biểu